ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2025/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 681/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31/ 12 /2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030): phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế; phát triển các sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn; hỗ trợ cải thiện nhà ở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi bao gồm:

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trụ sở đăng ký/văn phòng đại diện và có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình (được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng giai đoạn) cư trú hợp pháp tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Cá nhân người dân tộc thiểu số, người lao động cư trú hợp pháp tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Điều kiện cho vay vốn

1. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp tại địa bàn nơi thực hiện dự án.

b) Có dự án vay vốn khả thi phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vay vốn phát triển các sản phẩm OCOP: Có sản phẩm được cấp có thẩm quyền chứng nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên (còn hiệu lực theo quy định).

d) Được cấp phép hoạt động du lịch theo quy định (đối với vay vốn đầu tư hoạt động du lịch).

đ) Có bảo đảm tiền vay khi vay vốn theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình:

a) Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi đề nghị vay vốn; có giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về nơi thực hiện dự án.

b) Có phương án vay vốn khả thi;

c) Đối với vay vốn phát triển các sản phẩm OCOP: có sản phẩm được cấp có thẩm quyền chứng nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

d) Được cấp phép hoạt động du lịch theo quy định (đối với vay vốn đầu tư hoạt động du lịch).

3. Cá nhân người dân tộc thiểu số, người lao động:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; cư trú hợp địa phương nơi đề nghị vay vốn, có giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về nơi thực hiện dự án.

b) Có phương án vay vốn khả thi;

c) Được cấp phép hoạt động du lịch theo quy định (đối với vay vốn đầu tư hoạt động du lịch).

Điều 4. Nguyên tắc cho vay

1. Các đối tượng sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội.

2. Trong cùng một nội dung, lĩnh vực đề nghị hỗ trợ vay vốn theo quy định tại Điều 6 của Quy định này, nếu có nhiều chính sách, mức hỗ trợ vay vốn khác nhau thì các doanh nghiệp, hợp tác xã**,** liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số, người lao động được lựa chọn chính sách hỗ trợ vay vốn có lợi nhất.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này nếu đã được vay vốn theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định cơ chế, chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên) thì không được vay vốn theo các chính sách quy định tại Điều 6 của Quyết định này.

Điều 5. Các nội dung hỗ trợ cho vay vốn

1. Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế:

a) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất hàng hóa; sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất theo cộng đồng, sản xuất theo các ngành nghề truyền thống.

b) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô các cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.

c) Vay vốn để đầu tư quảng bá, xúc tiến tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hóa của các tổ chức, cá nhân.

d) Đầu tư các hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản, hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản, hoạt động nuôi trồng thủy sản.

đ) Vay vốn để sản xuất vật liệu xây dựng, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, nghề dệt may thủ công truyền thống, cơ khí phục vụ nông nghiệp, kinh doanh sinh vật cảnh.

2. Phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" (OCOP); duy trì và phát triển làng nghề truyền thống.

a) Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm OCOP; duy trì và phát triển làng nghề truyền thống.

b) Đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị, dây chuyền tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm OCOP; duy trì và phát triển làng nghề truyền thống.

c) Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm OCOP; duy trì và phát triển làng nghề truyền thống.

d) Đầu tư trung tâm, cửa hàng, điểm trưng bày, giới thiệu và mua bán sản phẩm OCOP, duy trì và phát triển làng nghề truyền thống bao gồm biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP.

đ) Đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản.

3. Phát triển du lịch nông thôn:

a) Đầu tư phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp trên địa bàn nông thôn thuộc tỉnh.

b) Xây dựng, sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ phát triển du lịch nông thôn (homestay, điểm trưng bày và bán sản phẩm đặc sản nông thôn, ăn uống, giải khát,…).

4. Hỗ trợ cải thiện nhà ở:

a) Đầu tư xây dựng mới nhà ở theo tiêu chuẩn 3 cứng.

b) Đầu tư sửa chữa, cải tạo nhà ở đáp ứng tiêu chuẩn quy định của nhà nước.

Điều 6. Quy định về mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay và điều kiện bảo đảm tiền vay

1. Mức cho vay

a) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình: Mức cho vay tối đa thực hiện theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

b) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình vay vốn hỗ trợ cải thiện nhà ở: Mức cho vay tối đa thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

c) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cá nhân là người dân tộc thiểu số, người lao động: Mức cho vay tối đa thực hiện theo khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào nguồn vốn ngân sách địa phương, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

2. Thời hạn cho vay

a) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

b) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình vay vốn hỗ trợ cải thiện nhà ở: Thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

c) Các đối tượng còn lại: Thời hạn cho vay tối đa thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để thỏa thuận.

3. Lãi suất cho vay

a) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

b) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình vay vốn hỗ trợ cải thiện nhà ở: Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

c) Các đối tượng còn lại: Lãi suất cho vay tối đa thực hiện theo khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

d) Lãi suất nợ quá hạn: Thực hiện theo khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

Đối với mức vay trên 100 triệu đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội.

4. Phương thức cho vay, hồ sơ, thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn, quy trình cho vay, gia hạn nợ, xử lý nợ rủi ro, giám sát sử dụng vốn vay

Thực hiện theo quy định các văn bản pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tại thời điểm cho vay.

Điều 7. Nguồn vốn

Nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả; hướng dẫn các địa phương tổ chức sản xuất, xây dựng phương án sản xuất và hỗ trợ kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện kiểm tra giám sát định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện, kết quả cho vay, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, kiểm tra giám sát đảm bảo đúng đối tượng, sử dụng vốn đúng mục đích và phát huy hiệu quả chương trình; định kỳ hàng quý/ năm báo cáo kết quả hỗ trợ cho vay vốn về các cơ quan thường trực các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng theo nội dung tại quy định này.

6. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và hội đoàn thể các cấp

Phối hợp với các Sở, ngành, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phối hợp trong công tác quản lý vốn, triển khai cho vay đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Chịu trách nhiệm việc rà soát, xác nhận vào danh sách vay vốn (hoặc văn bản tương tự) theo yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Phối hợp với phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

Phối hợp với phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý các trường hợp nợ xấu, nợ quá hạn, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về các cơ quan thường trực các Chương trình mục tiêu quốc gia và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định cho phù hợp./.